

Bản án số: **05/2022/TLST-DS**

Ngày: 26/4/2022

“Về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Thân Thị Quyên

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Giáp –Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện viện kiểm sát:*** Không tham gia phiên tòa

Ngày 26/4/2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Lai Châu)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 17, phường Q, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh H vắng mặt; Chị Đ, anh T có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết từ trước nên khi anh Nguyễn Tiến T ở xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đặt vấn đề vay tiền, Anh H đã đồng ý cho anh T vay tiền. Anh H đã cho anh T vay tiền 3 lần với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Cụ thể

như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 09/4/2018 cho vay 40.000.000 đồng

Lần thứ hai: Vào ngày 17/5/2018 cho vay: 20.000.000 đồng

Lần thứ ba: Vào ngày 07/07/2018 cho vay: 20.000.000 đồng.

Anh T có viết giấy nhận tiền và ký tên vào phần người nhận tiền. Thời hạn vay 1 tháng, lãi xuất thỏa thuận. Khi đến hạn trả tiền Anh H đã nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T không trả, mà khát lần khát lượt. Trong quá trình làm việc tại Tòa án anh T đề nghị được trả nợ dần nhưng Anh H và Chị Đ không nhất trí với lý do khoản nợ vay đã lâu, hoàn cảnh Anh H hiện nay rất khó khăn. Vì vậy, Anh H và Chị Đ yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả ngay cho Anh H đủ số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Anh H tự nguyện không yêu cầu anh T phải thanh toán khoản tiền lãi.

Các tài liệu chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giao nộp cho Tòa án gồm: Giấy nhận tiền đề ngày 09/04/2018; Giấy nhận tiền ngày 17/5/2018; Giấy nhận tiền ngày 07/7/2018 (Bản phô tô đã đối chiếu với bản chính); Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của chị Hoàng Thị Đ (Bản sao); Giấy ủy quyền đề ngày 07/6/2021 (Bản sao).

Bị đơn anh Nguyễn Tiến T trình bày: Anh xác nhận có vay tiền của anh Hoàng Văn H 03 lần với tổng số tiền đã vay là 80 triệu đồng. Số tiền trong mỗi lần vay và thời gian vay tiền đúng như Chị Đ là chị gái ruột Anh H và cũng là người đại diện theo ủy quyền của Anh H đã trình bày. Khi vay tiền anh có viết giấy nhận tiền, thời hạn vay là 1 tháng. Do hoàn cảnh khó khăn, anh vừa mới đi chấp hành án phạt tù về nên chưa có điều kiện để thanh toán khoản tiền nợ trên được cho Anh H được. Nay Anh H đang bị tạm giam ủy quyền cho Chị Đ yêu cầu anh phải thanh toán khoản nợ, anh không có ý kiến gì về việc ủy quyền trên mà chỉ xin khát Anh H và Chị Đ tạo điều kiện cho anh được trả nợ dần mỗi năm 2 lần vào các ngày 15/6 và 15/11, mỗi lần trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Anh không có khả năng trả ngay số tiền 80.000.000 đồng cho Chị Đ và Anh H được, vì hoàn cảnh kinh tế của gia đình anh hiện nay rất khó khăn.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **những vấn đề cần trả lời:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1]. Xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Nguyên đơn là anh Hoàng Văn H đã có văn bản ủy quyền theo quy định cho chị Hoàng Thị Đ. Chị Hoàng Thị Đ nhất trí nhận ủy quyền và đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71, 72, 74 của BLTTDS.

#### **Về nội dung quan hệ pháp luật tranh chấp:**

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Trong các ngày 09/4/2018, 17/5/2018 và 07/7/2018 giữa anh Hoàng Văn H và anh Nguyễn Tiến T có giao dịch và lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản, nội dung các hợp đồng thể hiện anh T có vay tiền của Anh H ba lần với tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), hai bên chỉ ghi lãi suất thỏa thuận, thời hạn trả nợ là 01 tháng. Anh T đã ký xác nhận vào bên người nhận tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của anh T, anh T có vay tiền có vay tiền Anh H, nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng là đúng với ý chí của các bên. Việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa hai bên đều hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử xét thấy, các hợp đồng vay tài sản lập ngày 09/4/2018, 17/5/2018 và 07/7/2018 giữa anh Hoàng Văn H và anh Nguyễn Tiến T đã phù hợp các quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, các hợp đồng vay tài sản ngày 09/4/2018, 17/5/2018 và 07/7/2018 có hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo như ý kiến trình bày của các đương sự thì anh T vẫn chưa thanh toán cho Anh H khoản tiền gốc nào. Hiện nay anh T vẫn còn nợ Anh H số tiền gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Hoàng Văn H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Đ thấy rằng:

- Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc: Phía Anh H và người đại diện theo ủy quyền của Anh H là chị Hoàng Thị Đ cho rằng Anh H có cho anh T vay tổng số tiền 80.000.000 đồng đến nay anh T vẫn còn nợ Anh H 80.000.000 đồng tiền gốc. Trong quá trình giải quyết, anh T cũng xác nhận có vay tiền của Anh H và đến nay còn nợ Anh H số tiền 80.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy, việc anh Hoàng Văn H và người đại diện theo ủy quyền của Anh H yêu cầu anh T thanh toán cho Anh H số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận.

- Đối với khoản tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Tiến T thấy rằng: Anh T đề nghị Anh H và người đại diện theo ủy quyền của Anh H là chị Hoàng Thị Đ cho anh được trả nợ dần mỗi năm 2 lần vào các ngày 15/6 và 15/11, mỗi lần trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không nhất trí vì cho rằng khoản nợ đã lâu, hiện nay hoàn cảnh của nguyên đơn đang rất khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn anh Hoàng Văn H, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, buộc anh Nguyễn Tiến T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Hoàng Văn H số tiền gốc là: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước.

[7]. Thông báo về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 85, 86, 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H.

- Buộc anh Nguyễn Tiến T phải có trách nhiệm trả cho anh Hoàng Văn H số tiền gốc đã vay là: 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). Anh H tự nguyện không yêu cầu anh T phải thanh toán khoản tiền lãi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Hoàng Văn H có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh Nguyễn Tiến T không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:**

Anh Nguyễn Tiến T phải chịu 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại anh Hoàng Văn H số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 0002670 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (chị Hoàng Thị Đ), bị đơn (anh Nguyễn Tiến T).

Vắng mặt nguyên đơn (anh Hoàng Văn H) báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1 bản);
- VKS ND huyện (2 bản);
- T.H.A DS huyện (1 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy**